

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/DS-ST

Ngày 15/9/2020

V/v: “*Tranh chấp
về hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quý Hòa;

2. Bà Bùi Thị Mỹ Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thanh S, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Bà Thái Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn bà Võ Thị Thanh S trình bày:

Từ chỗ quen biết gần nhà, tin tưởng nhau nên vào ngày 02/10/2016 bà Thái Thị H có hỏi mượn của bà Võ Thị Thanh S số tiền 130.000.000 đồng với mục đích về

sử dụng cho công việc riêng của bà H. Khi ghi giấy mượn, bà H ký tên, đồng thời ghi luôn chữ Nguyễn Quốc T (tên chồng bà H) nói là về phục vụ việc mua sắm xe chạy khách tuyến An Lão - Ân Hảo - Quy Nhơn. Để nhằm mục đích bà Sơn tin tưởng cho mượn tiền, nhưng thực tế bà H tự mượn cá nhân, không bàn bạc nên ông T không biết việc bà H mượn tiền bà S. Bà S và bà H thỏa thuận miệng với nhau lãi suất bà H trả cho bà S là 1.5%/ tháng, khi cần tiền thì bà S báo trước cho bà H từ 01 - 02 tháng, tiền lãi thì tháng nào trả tháng đó. Sau đó bà S có cần tiền và hỏi thì bà H đã trả 03 lần tiền vay gốc tổng cộng là 60.000.000 đồng, còn nợ là 70.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà H không trả, mặc dù bà S có hỏi rất nhiều lần, nhưng bà H cứ hèn. Bức xúc, bà S khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc bà H trả số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 12/11/2018 cho đến ngày xét xử với mức lãi 01%/năm.

- Bên bị đơn, bà Thái Thị H trình bày: Hoàn toàn thừa nhận có ghi giấy mượn của bà Sơn số tiền 130.000.000 đồng và đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ bà S 70.000.000 đồng là đúng. Nay làm ăn thua lỗ, bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi thì bà H xin không trả. Bà H thừa nhận giấy là do bà tự viết, tự ghi tên ông Nguyễn Quốc T để bà S tin cho mượn tiền, thực tế ông T không ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vào ngày 02/10/2016 bà Thái Thị H có ghi giấy vay của bà Võ Thị Thanh S số tiền 130.000.000 đồng, về sử dụng cho công việc riêng của bà H. Hai người tự thỏa thuận miệng với nhau lãi suất và đã trả xong, sau đó bà H đã trả cho bà S 03 lần tiền vay gốc tổng cộng là 60.000.000 đồng, còn nợ là 70.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà H không trả, mặc dù bà S có hỏi rất nhiều lần, nhưng bà H cứ hèn. Bà S khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc bà H trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 12/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi 01%/năm.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải, niêm

yết công khai, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà Thái Thị H không yêu cầu phản tố.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Thị Thanh S:

- Về giấy viết tay ngày 02/10/2016 thể hiện bà H vay bà S số tiền 130.000.000 đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện: Đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; sau đó, bà H đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ 70.000.000 đồng. Nay bà S yêu cầu buộc bà H trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bà S còn yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 12/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 01%/năm với số tiền 12.886.510 đồng là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét ý kiến của bên bị đơn Thái Thị H: Tại phiên tòa, bà H công nhận còn nợ bà S số tiền 70.000.000 đồng, do làm ăn thất bại nên bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi bà H xin không trả, nhưng ý kiến của bà H không được bà S chấp nhận. Việc bà H yêu cầu trả nợ dần và xin không trả tiền lãi là thiếu thiện chí, không có cơ sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử, các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Không chấp nhận ý kiến của bị đơn; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Từ các căn cứ trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh S: Buộc bà Thái Thị H trả cho bà S số tiền vay gốc 70.000.000 đồng; tiền lãi 12.886.510 đồng bằng tổng cộng 82.886.510 đồng

- Không chấp nhận ý kiến Thái Thị H: Trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi.

[6]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc bà H chịu án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 357, 440, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh S.

- Buộc bà Thái Thị H trả cho bà S số tiền 82.886.510 đồng.

- Không chấp nhận ý kiến Thái Thị H: Trả nợ dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà Võ Thị Thanh S) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (bà Thái Thị H) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Bà Thái Thị H nộp 4.144.325 đồng.

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh S số tiền nộp tạm ứng án phí 1.875.000 đồng theo biên lai thu số 0005898 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Ân.

Về nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND, THA;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân